

Tập 4

Xin mở kinh bốn, xem trang hai mươi hai.

Trong phần Sao, chúng ta thấy “*thất phiên cộng giải*” (七番共解) của tông Thiên Thai. Đây là phương thức giảng kinh của họ. “*Thất phiên*” (七番) là bảy tiểu đề mục, mỗi tiểu đề mục đều rất rõ ràng: Một là tiêu chương (標章), hai là dẫn chứng (引證), ba là sanh khởi (生起), bốn là khai hợp (開合), năm là liệu giản (料簡), sáu là quán tâm (觀心), bảy là hội dị (會異)¹. Bảy tiểu đề (đề mục nhỏ) này, thứ nhất là “*tiêu chương, linh dị ức trì, khởi niệm tâm cố*” (nêu tên gọi của một chương để [người đọc] dễ nghĩ nhớ, nhằm dấy lên niệm tâm vậy), mục đích ở chỗ này. “*Tiêu*” là tiêu thị (標示: nêu bày), “*chương*” là chương đề (章題: tựa đề của một chương, tức là chủ đề chánh yếu, hay còn gọi là tông chỉ của một chương). “*Dẫn chứng, cứ Phật ngữ, khởi tín tâm cố*” (Dẫn chứng: Nêu ra chứng cứ bằng lời Phật dạy hồng khởi tín tâm). Nêu rõ tông chỉ của một chương thì nhất định phải có chứng cứ, phải có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện; nhất định là căn cứ trên kinh điển, tín tâm của chúng ta mới có thể phát sanh. “*Sanh khởi, sử bất tạp loạn, khởi định tâm cố*” (Sanh khởi là khiến cho chẳng tạp loạn, định tâm được sanh ra). “*Dur tam*” (Ba điều còn lại), tức là các điều thứ tư, thứ năm, thứ bảy. Điều thứ

¹ Chúng tôi xin trích dẫn lời giảng đại lược của tự điển Bách Độ về ý nghĩa của từng khoa như sau:

1. Thị Chương (Tiêu Chương): Khiến cho tầng lớp được phân minh, ngõ hầu người nghiên cứu dễ ghi nhớ, chẳng quên. Phần này giống như nêu ra một chủ đề chính, một ý kiến chánh yếu hoặc một quan điểm sẽ được thảo luận.
2. Dẫn Chứng: Phần dẫn kinh văn, đại luận, hoặc trước tác, ngữ lục của tổ sư đại đức để chứng minh quan điểm vừa nêu trong phần Tiêu Chương là xác thực, không phải là ước đoán hay bịa đặt.
3. Sanh Khởi: Phần dẫn dắt, giải thích thêm, khiến cho người đọc chẳng rối loạn, hiểu rõ thứ tự trong lý luận.
4. Khai Hợp: Nói rộng ra hoặc thu gọn lại những luận điểm hay giáo nghĩa nhằm thích hợp với căn tánh của chúng sanh.
5. Liệu Giản: Lập ra những phần vấn đáp giả định nhằm trừ nghi, phá chấp.
6. Quán Tâm: Chỉ ra cách tu hành, quán tâm. Phần này tương ứng với phần Xứng Tánh thường dùng trong bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao của ngài Liên Trì.
7. Hội Dị: Giảng giải những ưu điểm, nêu rõ tự tâm, khiến cho người đọc, kẻ nghe tín tâm kiên cố, nắm được ý chỉ của Thật Tướng. Phần này cũng tương ứng với Xứng Tánh trong A Di Đà Kinh Sớ Sao.

tư là Khai Hợp, điều thứ năm là Liễu Giải, điều thứ bảy là Hội Di, có mục đích là “*khởi huệ tâm cố*” (khiến cho huệ tâm sanh khởi). [Điều thứ sáu là] “*Quán tâm, tức văn tức hành, khởi tấn tâm cố*” (Quán tâm là vừa nghe liền hành, khởi tâm tinh tấn), đây là tâm tinh tấn. Trong bảy tiểu khoa ấy, có năm thứ tâm là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Vì thế, Ngài kết luận: “*Cố ngũ tâm lập, thành ngũ căn, bài ngũ chướng, thành ngũ lực, nãi chí nhập tam giải thoát, kim sở tòng lược, cố chú vân vân*” (Do đó, năm tâm được lập để thành tựu năm căn, trừ năm chướng hồng thành tựu năm lực, cho đến nhập ba môn giải thoát. Nay lời sơ tòng lược, nên [trong lời Sao] phải chú giải những điều như thế). Hiện thời, từ bản Đại Sớ², quý vị sẽ thấy tường tận những điều ấy; ở đây, những khoa mục tỉ mỉ đều tòng lược, nhưng chúng ta phải hiểu: Mục đích [lập ra bảy điều như thế] của Ngài (tổ Trí Giả) là nhằm bồi dưỡng năm căn Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, hy vọng năm căn có thể tăng trưởng thành năm lực thì mới có thể tiêu nghiệp chướng. Đây là nêu lên mục tiêu của Ngài.

Chúng ta xem phần kế tiếp là phần giải thích tầng thứ nhất trong năm tầng Huyền Nghĩa. “*Đệ nhất Thích Danh giả*” (thứ nhất là giải thích tên kinh). Tông Thiên Thai vừa mở đầu liền giảng tựa đề kinh. “*Nhất thiết chúng kinh, giai hữu thông biệt nhị danh, Thông tắc Kinh chi nhất tự, Biệt tắc hữu thất, hoặc đơn nhân, pháp, thí, hoặc phức, hoặc cụ*” (Hết thấy các kinh đều có Thông Đề và Biệt Đề. Thông là một chữ Kinh, Biệt thì có bảy loại [đặt tên] hoặc là đơn nhân, đơn pháp, đơn thí dụ, hoặc phức (ghép hai loại một), hoặc có đủ cả ba loại nhân, pháp, thí). Đây là quy nạp các đề mục lại. Hết thấy các kinh không ngoài việc lấy nhân (người) để đặt tên kinh, hoặc dùng pháp để đặt tên kinh, hoặc dùng tỷ dụ để đặt tên kinh, đó gọi là “*tam đơn*” (ba cách đặt tên chỉ dùng một loại). “*Tam phức*” là trong tựa đề một kinh có hai loại, hoặc là nhân pháp, hoặc là nhân dụ, hoặc là pháp dụ. Loại thứ bảy được gọi là “*cụ túc lập đề*”, tức là nhân, pháp, dụ thấy đều có. Đề mục kinh Phật rất nhiều, nhưng chẳng ra ngoài bảy nguyên tắc ấy, nên gọi là “*thất lệ lập đề*” (bảy quy tắc đặt tên kinh), điều này cũng thuộc loại kiến thức thông thường trong Phật học.

Đối với kinh này, phần kế tiếp, nơi trang hai mươi bốn, đã giới thiệu: “*Kim kinh tòng năng thuyết, sở thuyết nhân dĩ lập danh, tức giáo biệt*” (Nay kinh này dựa trên người nói và người được nói để đặt tên, đó

² Nguyên văn là “*đại bốn tử*”. Những câu do ngài Tứ Minh vừa dẫn trên đây trích từ Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa, nên gọi là “*đại bốn tử*”, chúng tôi tạm dịch là Đại Sớ.

chính là tên riêng của giáo pháp này). Trong bộ kinh này, “*Phật Thuyết*” là Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nói, đó là người “*năng thuyết*”. “*Vô Lượng Thọ Phật*” là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là tên người, [đó là sở thuyết (người được nói đến)]. Vì vậy, trong đề mục này, dùng người nói và người được nói, [tức là] dùng Nhân để đặt tên kinh, thuộc quy cách “chỉ dùng Nhân để đặt tên”, đúng như Tiểu Bản A Di Đà Kinh vậy. “*Phật Thuyết*” là Thích Ca Mâu Ni Phật, “*A Di Đà*” là Vô Lượng Thọ Phật. Trong tựa đề kinh này, chẳng có pháp, mà cũng chẳng có tử dụ, chỉ dùng Nhân để đặt tên. Đó là “*giáo biệt*”, tức Biệt Đề, danh xưng chẳng giống các kinh khác. “*Đồng danh vi Kinh, tức giáo thông*” (Cùng gọi là Kinh, đó là chỗ giống nhau giữa các giáo). Như kinh Kim Cang, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa đều gọi là Kinh, danh xưng Kinh ấy được gọi là Thông Đề, điều này được gọi là “*giáo thông*”. “*Vị hạnh bất đồng, tòng nhất chí vô lượng, tức Hạnh Biệt. Hội đồng thường lạc, tức Hạnh Thông. Lý tuy vô danh, tương môn danh lý, lý tùy u môn, tứ tứ thập lục, tức danh Lý Biệt. Môn tùy u Lý, tức danh Lý Thông. Thử ước nhất hóa, dĩ minh Thông, Biệt*” (Do hạnh khác nhau, từ một đến vô lượng, nên Hạnh Biệt (hạnh khác nhau). [Tuy khác nhau, nhưng đều] cùng có thể [khiến cho người tu tập] hưởng sự thường lạc, nên là Hạnh Thông (chỗ giống nhau giữa các hạnh). Tuy lý chẳng có tên, nhưng dùng Môn (pháp môn) để đặt tên cho Lý. Lý tùy thuộc từng môn, bốn lần bốn thành mười sáu, nên gọi là Lý Biệt. Do môn tùy thuộc Lý, nên gọi là Lý Thông. Đây là dựa theo giáo pháp trong một đời của đức Phật để giảng rõ ý nghĩa Thông và Biệt). Đối với những ý nghĩa này, nếu chưa từng biết về giáo nghĩa Thiên Thai, đều chẳng dễ hiểu cho lắm, vì trong ấy có khá nhiều thuật ngữ của Thiên Thai Tông, kẻ sơ học rất khó hiểu chúng có nghĩa là gì!

Ở đây, phải nói rõ cùng quý vị về “*tứ tứ thập lục*”. Tông Thiên Thai chia Lý và Sự thành bốn môn, bốn môn là Không, Có, Cũng Không Cũng Có, Chẳng Có Chẳng Không, chia thành bốn môn ấy. Trong bốn giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên thì Tạng Giáo có bốn môn, Thông Giáo cũng có bốn môn, Biệt Giáo và Viên Giáo cũng lại như thế, nên bốn giáo nhân với bốn môn thành mười sáu. Lý được nói ra sẽ là bất đồng, [người nghe cảm thấy] Lý bất đồng là [do tùy theo căn cơ của người nghe mà Phật, Bồ Tát, tổ sư nói ra Lý ấy] cạn hay sâu sai khác, chẳng phải là Lý có những điểm sai biệt nào khác, chỉ là được nói ra cạn hay sâu khác nhau! Hết thấy các pháp do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều chẳng lìa nguyên lý này, nên đức Phật đã dựa trên Chân Đế và Tục

Để dễ thuyết pháp. Nói đơn giản, Tục Đế (俗諦) là thuận theo kiến thức thông thường của chúng ta. Tùy thuận kiến thức thông thường của chúng ta, chúng ta nghe xong sẽ lý giải rất dễ dàng. Chân Đế (真諦) là cảnh giới của Như Lai, Ngài nói ra, chúng ta thường chẳng dễ gì hiểu được, chẳng dễ lãnh hội! Ất phải là tâm địa thanh tịnh đến một mức độ kha khá, chúng ta chẳng có chướng ngại thì đức Phật nói, chúng ta bèn có thể thông hiểu và lý giải được.

Vì lẽ đó, đối với Phật pháp, chư vị hãy nhớ một nguyên tắc: Phật pháp lưu lộ từ Chân Như bản tánh. Cái tâm mà lũ phàm phu chúng ta sử dụng hằng ngày là tám thức, năm mươi mốt Tâm Sở. Những gì chúng ta có thể tưởng tượng và lý giải đều thuộc phạm vi của tám thức, chẳng có cách nào thấu hiểu tâm tánh. Do vậy, đối với những đạo lý do đức Phật giảng, chúng ta nghe không hiểu. Thật sự học Phật thì tu từ đâu? Dốc sức nơi Định, chẳng dốc sức nơi Giáo, trước hết là tu Định. Vì thế, vào thời cổ, bất luận là xuất gia hay tại gia, hễ học Phật bèn là năm năm học giới. “Năm năm học giới” chẳng phải học Luật Tạng trong Kinh, Luật, Luận, chẳng phải là học giới luật, mà là tuân thủ lời thầy răn dạy. Thầy dạy quý vị những gì? Dạy quý vị buông tất cả hết thảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống. Dùng phương pháp nào? Không nhất định! Thiên Tông dạy quý vị tham Thiên, dạy quý vị tĩnh tọa. Khi tĩnh tọa, chẳng cần nghĩ thiện, mà cũng chẳng nghĩ ác. Không nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, khiến cho tâm định. Nếu quý vị có thắc mắc đến hỏi thầy, vừa mới nêu lên câu hỏi, thầy đã quơ hương bản đập liền, vì sao? “Dạy người đừng khởi vọng niệm, sao người lại khởi vọng niệm?” Thầy thấy quý vị thường chẳng hỏi, khi chẳng có vọng niệm, hương bản lại giáng xuống, vì sao? Vô minh! “Người chẳng phải là vọng tưởng, bèn là vô minh”. Vọng tưởng thì phải đánh, mà vô minh cũng phải đánh. Do đó, cách giáo học của Thiên Tông có lúc thấy [dường như] hết sức phi lý! Vô duyên vô cớ đánh đập người ta! [Thật ra] họ muốn xóa sạch vọng tưởng cũng như vô minh của quý vị.

Giáo Hạ quá nửa là dùng đọc tụng, giống như Tiểu Học thuở trước ở Trung Hoa, bảo quý vị học thuộc sách, chẳng cần giảng giải, cứ học thuộc sách. Mỗi ngày phải đọc thuộc sách bao nhiêu lần, giống như tông Thiên Thai học thuộc kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa phân lượng khá nhiều; mỗi ngày niệm một lần, năm năm niệm hơn một ngàn lần. Chẳng cần cầu giải hiểu nghĩa của kinh, niệm sao cho tâm định. Sau khi đã định, lại nghe kinh bèn khai ngộ. Quý vị thấy Đàn Kinh có chép chuyện

thiền sư Pháp Đạt. Sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa, lúc gặp Lục Tổ, lễ bái chẳng khấu đầu sát đất, Lục Tổ trông thấy: Lễ bái mà đầu chẳng chạm đất, ngạo mạn! Do đó, Lục Tổ hỏi Sư: “Ông có chuyện gì đáng để ngạo mạn ư?” Nay ta nói là “đáng kiêu ngạo”, người có gì đáng để kiêu ngạo? Sư rất thật thà thưa: “Con đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa”, đáng kiêu ngạo lắm chứ! Niệm ba ngàn bộ Pháp Hoa mà! Kết quả là bị Lục Tổ hỏi một câu, [Sư cứng họng]. Kinh Pháp Hoa niệm khá như vậy, niệm nhiều như vậy, nhưng chẳng hiểu, chẳng lãnh hội ý nghĩa! Sư giác ngộ, cung kính hướng về Lục Tổ đại sư thỉnh giáo. Lục Tổ giảng một chút, Sư bèn thông đạt, khai ngộ.

Nay chúng ta cũng đọc đoạn khai thị của Tổ dành cho sư Pháp Đạt, vì sao chúng ta chẳng khai ngộ? Sư nghe giảng mấy câu bèn khai ngộ, chúng ta đọc những lời ấy một trăm lần, một ngàn lần, vẫn chẳng khai ngộ. Vấn đề ở chỗ nào? Tâm người ta thanh tịnh đã nhiều năm ngàn ấy, đó là công phu, tâm chúng ta loạn cào cào! Bởi lẽ, tâm tán loạn chẳng thể nào khai ngộ, tâm tán loạn chẳng thể hiểu những ý nghĩa do đức Phật đã nói. Bài kệ Khai Kinh có câu: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Ất phải là tâm địa thanh tịnh, thanh tịnh đến một mức độ nhất định thì mới có thể hiểu ý Phật trong kinh điển. Do đó, người thật sự học Phật, thiện tri thức thật sự, luôn dạy quý vị giảm thiểu phiền não, phiền não ngày càng giảm ít, thực hiện từ chỗ này!

Hiện thời, học Phật rất khó khăn, rất khó gặp thiện tri thức. Như tôi theo thầy Lý, thầy Lý đặt ra ba điều kiện theo biện pháp của cổ nhân, nhưng biện pháp của thầy khoan dung hơn cổ nhân rất nhiều:

1) Tôi tôn cụ làm thầy, điều kiện thứ nhất là từ nay về sau, chỉ có thể nghe một mình cụ giảng kinh. Bất cứ pháp sư, đại đức, cư sĩ nào giảng kinh, đều nhất loạt chẳng cho phép nghe. Đây là chặn lấp, cắt đứt vọng tưởng muốn nghe kinh, chớ nên nghe!

2) Điều thứ hai là xem sách, chúng tôi có chút chữ nghĩa, ưa đọc sách. Bất luận xem sách nào, kinh Phật cũng thế, mà chẳng phải là kinh Phật cũng thế, phải được cụ đồng ý. Sách nào cụ chẳng đồng ý, nhất loạt chẳng được phép đọc. Cũng là ngăn lấp chuyện xem sách, chẳng cho phép quý vị xem.

3) Điều kiện thứ ba là “những gì anh đã học trước kia, tôi chẳng thừa nhận, nhất loạt coi như những thứ bỏ đi. Từ nay trở đi, bắt đầu học [những điều tôi dạy]”.

Chúng tôi nghe thầy Lý giảng có những điều chẳng giống như người khác đã giảng trước kia. Có khi tôi muốn đến hỏi thầy: “Trước

kia, con nghe nói là như vậy”. [Thầy bảo]: “Trước kia chẳng tính, coi như lời bậy bạ, ngay cả một câu cũng chẳng được nhắc tới!” Kể ra cũng khá lắm, thầy có lập kỳ hạn, năm năm [tuần thủ ba điều kiện ấy]. Trong năm năm ấy, nói thực tại là mong cho tâm quý vị an tĩnh. Phương pháp ấy nói thật ra là phương pháp “tẩy nã” của đảng Cộng Sản: Trước hết, quét sạch sành sanh những thứ loạn cào cào trong đầu óc quý vị, sau đó [đầu óc quý vị rỗng rang] mới tiếp nhận Phật pháp. Đó gọi là “*năm năm học giới*”, quý vị mới có thụ dụng đôi chút. Tâm chẳng thanh tịnh, gặp vị thầy giỏi, dấu Phật, Bồ Tát đích thân thuyết pháp cho quý vị, cũng đều uổng công, [quý vị] chẳng phải là pháp khí, chẳng có năng lực tiếp nhận! Năng lực là gì? Tâm thanh tịnh là năng lực.

Chúng tôi giới thiệu đơn giản đoạn này đến đây, lại xem đoạn kế tiếp, xem hàng thứ nhất nơi trang hai mươi sáu. Phía trước là nói theo phương diện “*nhất hóa*” (一化), tức là nói theo cái được gọi “*nhất đại thời giáo*” (giáo pháp suốt một đời đức Phật) trong sự giáo hóa chúng sanh của Thích Ca Mâu Ni Phật, còn ở đây là nói theo bộ kinh này. “*Cánh ước nhất đề*” (Lại dựa theo tựa đề của một bản kinh), [tức là] nói theo tựa đề kinh này. “*Phật Thuyết*” là Giáo, “*Quán*” là hạnh, tức là phương pháp tu hành, “*Vô Lượng Thọ Phật tức thị Lý, Giáo, Hạnh, Lý tức*” (Vô Lượng Thọ Phật chính là Lý. Giáo, Hạnh và Lý đều đầy đủ), “*túc*” (足) là đầy đủ. “*Nhậm vận hữu thông biệt ý*” (Tự nhiên có ý nghĩa Thông và Biệt), “*nhậm vận*” (任運) là tự nhiên nó vừa có Thông Ý, mà cũng có Biệt Ý. Trong một Thể, chúng ta thấy có Giáo, có Hạnh, có Lý; Lý là lý luận để làm căn cứ. “*Cánh tự nhất tự Thuyết giả, Thích Luận vận, sở hành như sở thuyết. Thuyết tức thị Giáo, như tức thị Lý, hành tức thị Hạnh*” (Lại nói theo một chữ Thuyết thì Thích Luận có nói: “Việc làm đúng như lời nói”. Thuyết chính là Giáo, Như chính là Lý, Hành chính là Hạnh). Ý nghĩa được bao hàm trong một chữ Thuyết của tựa đề kinh cũng vô cùng rộng lớn. Thông thường, trong hết thảy kinh luận, chúng ta thấy chữ này được giải thích rất nông cạn, dễ hiểu: “*Thuyết thị duyệt sở hoài dã*” (Thuyết là thỏa thích những điều được ấp ủ trong tâm). Đức Phật thấy cơ duyên của chúng sanh chín muồi, Ngài lấy độ chúng sanh làm bản hoài, nay cơ duyên đặc độ của chúng sanh đã chín muồi, đương nhiên phải dạy cho chúng sanh phương pháp lìa khổ được vui, chuyển phàm thành thánh. Vì thế, Thuyết là hoan hỷ vì chúng sanh mà thuyết pháp. Ở đây là nói theo Lý, cách giảng trong phần trên là nói theo Sự.

“*Sở hành như sở thuyết*”: Giải và Hạnh hoàn toàn nhất trí. Nếu lời đức Phật nói và điều Ngài làm khác nhau, tức là chẳng tương ứng. Từ câu này, chúng ta biết, trong kinh này, đức Phật khuyên chúng ta niệm Phật, Ngài có niệm Phật hay không? Sở hành đúng như sở thuyết, đương nhiên đức Phật niệm Phật! Nếu đức Phật chẳng niệm Phật, làm sao có thể khuyên chúng ta niệm Phật? Xác thực là quý vị đọc những kinh điển được dẫn chứng trong tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, [sẽ thấy] không riêng Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật thành Phật, mà hết thầy chú Phật Như Lai chẳng có vị nào không niệm Phật thành Phật. Chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Thập Địa Bồ Tát từ đầu tới cuối chẳng lìa niệm Phật*”, Thập Địa là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác. Do vậy có thể biết, đạo thành Phật chỉ là niệm Phật, đó là “*sở hành như sở thuyết*”. Thuyết là Giáo, Như là Lý, ý nghĩa Bất Nhị như thế hoàn toàn nhất trí, tâm và hạnh là một, tâm là hạnh, hạnh là tâm. Nay chúng ta tu học pháp môn Tịnh Tông, đề xướng kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là giáo nghĩa viên mãn, là căn cứ rõ rệt, chân thật nhất của Tịnh Tông, có thể nói là khái luận của Tịnh Độ. Bất luận tánh, tướng, lý, sự, nhân, quả thầy đều được nói đến. Do đó, tôi khuyên mọi người nương theo bộ kinh này, hoàn toàn thực hiện những lý luận, phương pháp, và cảnh giới đã nói trong bộ kinh này, biến chúng thành tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và hành vi của chính mình. Chúng ta và Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Quyết định vãng sanh! Vì lẽ đó, thọ trì kinh điển và Phật hiệu nhằm mục đích này.

Đoạn tiếp theo nói: “*Phật tức Pháp Thân, Quán tức Bát Nhã, Vô Lượng Thọ tức Giải Thoát*” (Phật chính là Pháp Thân, Quán là Bát Nhã, Vô Lượng Thọ là Giải Thoát), đây là phối hợp với ba đức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát để nói. Chú vị phải biết cách phối hợp này, nói thật ra là sống động, hoạt bát. Phối hợp như thế nào đều là viên dung, đều nói hợp lý. Quý vị nói Phật là Bát Nhã, Quán là Giải Thoát, Vô Lượng Thọ là Pháp Thân, nói cũng hợp lý. Vì sao? Một mà ba, ba mà một, trong một pháp đầy đủ hết thầy các pháp, hết thầy các pháp là một pháp. Vì thế, mọi người đừng chấp chết cứng nơi câu văn, [chấp chết cứng] là sai mất rồi. Phối hợp kiểu nào cũng đều hợp lý! Tiếp theo đó là nói: “*Tức nhất đạt tam, tức tam đạt nhất, nhất trung giải vô lượng, vô lượng trung giải nhất*” (Do một mà đạt ba, do ba mà đạt một, trong một hiểu vô lượng, từ vô lượng hiểu một). Một chữ mà nghĩa lý vô cùng, huông gì một bộ kinh này, huông hồ giáo pháp trong Đại Tạng! Cuối cùng, Ngài nói: “*Nhược*

bất như thượng giải giả, an hoạch vô hạn công đức da?” (Nếu chẳng hiểu như trên đây, há có thể đạt được vô hạn công đức ư?). Đây là do cổ nhân đã nói: Một người có thể nghe tựa đề của một bộ kinh sẽ đạt được công đức chẳng thể nghĩ bàn. Lời ấy là thật, mà cũng chưa chắc là thật. Nói “thật” là như thế nào? Quý vị thật sự thông đạt nghĩa lý, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một thì đó là thật! Trong tựa đề của một bộ kinh sẽ có vô lượng vô biên công đức. Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ chẳng đạt được lợi ích. Do vậy có thể biết, quý vị có hiểu rõ lý hay không? Chẳng hiểu rõ lý, sẽ không đạt được công đức!

Quý vị nói chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta đối với Lý và Sự của A Di Đà Phật đều thông đạt, hiểu rõ, [sẽ là] một niệm tương ứng một niệm Phật. Nếu chẳng hiểu rõ Sự và Lý của A Di Đà Phật, sẽ biến câu Phật hiệu thành ca hát. Hiện thời, chúng ta nghe cái gọi là Ngũ Hội Niệm Phật, ca xướng đấy! Ca xướng hết sức êm tai, có ý nghĩa gì hay không? Chẳng biết nữa! Vậy là vô dụng, chỉ có thể nói là gieo một tí thiện căn, khẩu thiện! Thầy Lý thường nói là “tốt hơn chửi người khác”, đạt được một chút lợi ích ấy! Nhất định phải biết danh hiệu trọn đủ công đức, quý vị niệm Phật mới tương ứng. Một câu A Di Đà Phật viên mãn đầy đủ hết thảy Tánh Đức và Tu Đức, nên công đức của Phật hiệu lại chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật thà, ba kinh đều chủ trương trì danh, mười lăm phép Quán trước trong Thập Lục Quán Kinh chẳng phải là trì danh, phép Quán cuối cùng là trì danh. Quý vị đừng thấy là phép Quán sau cùng mà nói là nó chỉ dành cho kẻ hạ căn. Hạ căn là gì? Người bệnh nặng nhất. Người bệnh nặng nhất mà uống thuốc này liền khỏi bệnh thì người bệnh nhẹ còn nói năng gì nữa? Càng dễ lành bệnh!

Cách sắp đặt theo thứ tự thuận trong Phật pháp có dụng ý rất sâu, tương tự như pháp thế gian tại Trung Quốc: Thứ tốt nhất xếp cuối cùng, giống như trong hát tuồng, màn diễn hay nhất được gọi là “*áp trục hý*” (壓軸戲: Màn diễn cuối, kết thúc tuồng hát). Trì danh niệm Phật đặt ở cuối cùng chính là áp trục hý. Chúng ta đọc kinh Lăng Nghiêm, phân hai mươi lăm pháp Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm là pháp môn tu học của hai mươi lăm vị Bồ Tát, những pháp được xếp theo thứ tự là những pháp thông thường. Pháp nào không xếp theo thứ tự thuận mà xếp vào cuối cùng thì pháp cuối cùng ấy là thù thắng nhất. Chương Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Âm Bồ Tát thù thắng nhất. Nếu pháp của Quán Âm Bồ Tát được xếp theo thứ tự thuận thì phải ở vị trí thứ hai. Trong lục căn, pháp của Ngài là Nhĩ Căn Viên Thông, thứ nhất là Nhãn Căn, thứ hai là Nhĩ Căn. Lục Căn, Lục Trần, Lục Thức, Thất Đại, đó là xếp theo thứ tự

thuận, pháp của Ngài chẳng được xếp theo thứ tự thuận, mà xếp vào cuối cùng!

Trong hai mươi lăm chương ấy, pháp môn đặc biệt chẳng phải là một mình Ngài, mà là hai vị, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương cũng là đặc biệt. Nếu dựa theo thứ tự thuận, Đại Thế Chí là Căn Đại. Trong Thất Đại, theo thứ tự thuận là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiên, Thức. Do Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc Kiên Đại, nên [pháp môn của Ngài] lẽ ra phải xếp trước Thức. Thức là Di Lạc Bồ Tát, Ngài học Duy Thức. Di Lạc Bồ Tát là Thức Đại, nên Đại Thế Chí Bồ Tát phải xếp trước Di Lạc Bồ Tát. Kết quả là quý vị thấy trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài được xếp sau Di Lạc Bồ Tát. Vì thế, xét theo thứ tự thuận, có hai pháp môn đặc biệt trong hai mươi lăm pháp môn, chẳng phải là [chỉ có] một pháp môn đặc biệt. Nói như vậy, [ắt có người bắt bẻ] vì sao không xếp Niệm Phật Viên Thông Chương cuối cùng, mà xếp Nhĩ Căn Viên Thông Chương cuối cùng? Dụng ý trong ấy rất sâu, Niệm Phật Viên Thông phù hợp căn cơ của hết thảy chúng sanh trong tận hư không khắp pháp giới, quá lớn! Nhĩ Căn Viên Thông Chương chỉ thích hợp với người trên địa cầu; do thuyết pháp trên địa cầu, nhằm thích hợp trình độ của quý vị, nên đặc biệt đưa ra pháp này. Nếu không thuyết pháp ở đây, Quán Âm Bồ Tát vẫn dựa theo thứ tự thuận để sắp vào vị trí thứ hai, chẳng xếp cuối cùng, nhưng Đại Thế Chí Bồ Tát sẽ được xếp cuối cùng, đó là điều quyết định, chẳng bị bất cứ ảnh hưởng nào. Đọc kinh Lăng Nghiêm phải lưu ý điều này: Chẳng theo đúng thứ tự thuận, ý nghĩa sẽ khác hẳn!

Do đó, trong Tịnh Tu Tiệp Yêu, cư sĩ Hạ Liên Cư đã viết: “*Tịnh Tông Sơ Tổ Đại Thế Chí Bồ Tát*”, tôi xem đến câu ấy cũng giật mình, nhưng suy nghĩ kỹ, thấy cụ nói chẳng sai, cụ nói rất chính xác, trước kia tôi không nghĩ đến. Đề xướng chuyên tu Tịnh Tông, chuyên học pháp môn Niệm Phật trong tận hư không, khắp pháp giới là Đại Thế Chí Bồ Tát, nên Đại Thế Chí Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ trong tận hư không, khắp pháp giới. Từ Ngài, chúng tôi lại liên tưởng trong thế giới Sa Bà, Phổ Hiền Bồ Tát là Tịnh Tông Sơ Tổ. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, giảng bộ kinh đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm. Trong hội Hoa Nghiêm, người đề xướng pháp môn Niệm Phật là Phổ Hiền Bồ Tát, nên Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Tại Trung Quốc, Huệ Viễn đại sư đề xướng đầu tiên, nên Viễn Công đại sư là Sơ Tổ [của Tịnh Độ Tông] tại Trung Quốc. Sau này, hễ nói tới Tịnh Tông Sơ Tổ, phải hỏi

vị Sơ Tổ nào? Cả ba vị đều là Sơ Tổ, nhưng phạm vi giáo hóa khác biệt rất lớn, chúng ta phải biết điều này.

Lại xem phần tiếp theo, đại sư dùng Lục Tức của tông Thiên Thai để giải thích chữ Phật. “*Sơ thích Phật giả*” (Đầu tiên là giải thích chữ Phật), giới thiệu từng chữ trong tựa đề kinh, trước hết giải thích chữ Phật. “*Phật thị giác nghĩa*” (Phật nghĩa là giác), chữ Phật là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Giác, giác chứ không mê. “*Hữu lục chủng tức*” (Có sáu loại Tức), nói theo hiện tại thì “*tức*” có nghĩa là “chính là”. “*Niết Bàn kinh vân, nhất thiết chúng sanh tức thị Phật*” (Kinh Niết Bàn nói: “Hết thảy chúng sanh chính là Phật”), kinh Hoa Nghiêm cũng nói “*hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Kinh Viên Giác cũng có câu “*hết thảy chúng sanh vốn thành Phật*”. Đây là nói theo Chân Như bản tánh, vì sao? Hết thảy chúng sanh đều có chân tánh, nói theo chân tánh, chúng sanh và Phật chẳng sai biệt, hoàn toàn như nhau, nên hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. [Tánh ấy nơi] hữu tình chúng sanh được gọi là Phật Tánh, nơi vô tình chúng sanh gọi là Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật có tánh, tánh là bản thể, tức là thể tánh của nó. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, chẳng phải là hai tánh, nên kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chủng Trí*” (Hữu tình và vô tình, cùng viên mãn Chủng Trí). Thân tâm của hữu tình do Chân Như bản tánh biến hiện; vô tình như đất, gỗ, đá cũng do Chân Như bản tánh biến hiện; nên xét theo bản thể, chúng là một. Các nhà Duy Thức Học đã giảng chuyện này rất rõ ràng.

Một niệm vô minh dấy lên trong bản tánh, bèn có ba tế tướng (tướng vi tế) là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là vọng động, nghiệp là động. Hễ động, đức dụng của bản tánh bị mất đi; hễ động bèn biến thành tám thức. Vì vậy, chân tâm hễ động bèn biến thành vọng tâm. Khôi phục chân tâm bằng cách nào? Quý vị phải học sao cho chẳng động tâm, chân tâm liền khôi phục. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy tôn giả Tu Bồ Đề: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó là đúng, chân tánh của quý vị liền khởi tác dụng. “*Bất thủ u tướng*” là bên ngoài chẳng chấp tướng, “*như như bất động*” là bên trong chẳng động tâm. Tổ Đạt Ma truyền Thiền sang Trung Quốc, Lục Tổ hoằng dương Thiền rạng rỡ là do hai câu sau đây trong kinh Kim Cang: “*Ngoại bất trước tướng, nội bất động tâm*” (Ngoài chẳng chấp tướng, trong không động tâm). Bên ngoài chấp tướng, bên trong động tâm, đó là phàm phu.

Vì thế, quan sát từ thể tánh: “*Nhất thiết chúng sanh giai Như đã*” (Hết thấy chúng sanh đều là Như). Những gì đại sư đã viết trong lời Sớ đều dẫn từ những lời kinh dạy, hết thấy chúng sanh đều như trong kinh Duy Ma và kinh Bảo Khiếp³ đã nói: “*Phật giới, chúng sanh giới, nhất giới, vô biệt giới*” (Phật giới, chúng sanh giới là một giới, chẳng có giới nào khác). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là vật được biến hiện bởi tự tánh, giống như quý vị tối ngủ nằm mộng, mộng thấy Phật, Bồ Tát cũng là do tự tánh của quý vị biến hiện; mộng thấy ngạ quỷ, địa ngục cũng là do tự tánh của quý vị biến hiện. Toàn bộ giấc mộng chính là tâm, toàn thể tâm chính là mộng, giấc mộng đẹp là tâm này, mà ác mộng vẫn là tâm này! Ác mộng hay mộng đẹp đều là một tâm, nhất tâm, vô nhị tâm. Do vậy, tốt và xấu đều chẳng có, đạt tới bình đẳng thật sự. Vì vậy, đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, người đã kiến tánh thấy là pháp giới bình đẳng, là Nhất Chân pháp giới, vì sao? Hoàn toàn là chân thật, chẳng có gì là giả.

Quý vị phải suy nghĩ kỹ càng cảnh giới ấy, nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, thụ dụng vô cùng, sẽ có ích to lớn cho sự tu hành của quý vị, giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị xa lìa hết thấy phân biệt, chấp trước. Chúng sanh sở dĩ làm chúng sanh, bị thua thiệt là vì phân biệt, chấp trước. Phật pháp chẳng có gì khác, phá chấp trước [mà thôi]. Chấp trước Nhân và Ngã đã phá, bèn chứng quả A La Hán. Pháp Chấp đã phá bèn thành Phật. Hai chương ấy nói thật ra là hai thứ chấp trước, Ngã Chấp và Pháp Chấp, đó là sự thiệt thòi to lớn, vĩnh viễn chẳng có cách nào hiểu biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Càng là chân thật thì càng chẳng thể liễu giải, càng là chân thật thì vừa nghe bèn càng chẳng thể tiếp nhận. Từ vô thị kiếp tới nay, phân biệt và chấp trước đã biến thành thói quen, thói quen ấy chẳng dễ gì bỏ ngay được! Chính vì chúng ta chẳng thể bỏ ngay được, nên đức Phật mới nói pháp phương tiện. Pháp phương tiện là thuận theo sự chấp trước của quý vị mà chấp trước, thuận theo sự phân biệt của quý vị để phân biệt; quý vị bèn có thể nghe hiểu, tiếp nhận, lại dần dần thông thả khuyến dụ, hướng dẫn quý vị tiếp

³ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Đại Phương Quảng Bảo Khiếp Kinh hoặc còn gọi là Văn Thù Sư Lợi Hiện Bảo Khiếp Kinh, gồm có ba quyển, do ngài Cầu Na Bạt Đà La dịch vào đời Lưu Tống. Kinh này ghi lại cuộc vấn đáp giữa Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và tôn giả Tu Bồ Đề; đồng thời, các vị tôn giả như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v... đều tán thán trí huệ sâu thẳm của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Bảo Khiếp (寶篋) có nghĩa là cái tráp báu.

cận pháp chân thật.

Đoạn tiếp theo có mấy câu rất quan trọng, nhưng lý trong ấy khá sâu. Nơi trang hai mươi chín, dòng thứ tư: “*Thử thị viên trí*” (Đây là viên trí), tức trí huệ viên mãn; chính là nói “*hết thấy chúng sanh là Phật*”, đây là trí huệ viên mãn, là cảnh giới Phật. “*Viên giác chư pháp*” nghĩa là giác ngộ viên mãn hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp bao gồm pháp thế gian và xuất thế gian, bao gồm mười pháp giới, bao gồm pháp hữu tình và pháp vô tình, thấy đều được bao gồm trong đó, giác ngộ viên mãn các pháp. “*Biến nhất thiết xứ, vô bất minh liễu*” (Trọn khắp hết thấy các nơi, không gì chẳng hiểu rõ). Viên giác là gì? Viên giác là tâm của quý vị. Tâm quý vị vốn giác ngộ viên mãn. Rất đáng tiếc, nay quý vị mê cái tâm này, do đã mê nên bất giác. Mê là như thế nào? Là như đức Phật nói vọng tưởng, chấp trước, đó là mê. Vọng tưởng là ô nhiễm, là vô minh, thứ gì cũng đều không biết. Chấp trước là phiền não, chư vị hãy nghĩ xem, tất cả hết thấy phiền não, hết thấy đúng sai, hết thấy ta người, đều sanh từ chấp trước. Quý vị chẳng chấp trước, lấy đâu ra phiền não? Vì lẽ đó, cội rễ của Phiền Não Chướng là chấp trước, cội rễ của vô minh là vọng tưởng.

Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả Phú Lô Na đã hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo, vô minh do đâu mà có? Khi nào có vô minh? Đức Phật giải đáp. Lời giải đáp ấy hay tuyệt! Đức Phật nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bản*” (Từ nơi tri kiến mà lập ra một cái biết nữa, đó là cội gốc của vô minh). “*Tri kiến lập tri*” là vô minh. “*Tri kiến*” là gì? Là những hiểu biết quý vị vốn sẵn có [trong chân tánh], ở đây gọi là Viên Giác. Quý vị vốn là giác ngộ viên mãn, thế mà trong sự giác ngộ viên mãn ấy, quý vị lại tạo lập một tri kiến nữa, hồng rồi, hễ thêm vào liền biến thành vô minh. Lời giải đáp ấy đơn giản, dễ hiểu, một câu đã nói toạc ra, chẳng phải là bậc đại học vấn chân chánh thật sự thông đạt sẽ không thể thốt ra được! Chúng ta vốn hiểu rõ hết thấy các pháp, rất đáng tiếc là hiện thời cái tâm này bị ô nhiễm, tâm hiện thời đang phập phồng, chao động bất định, giống như sóng cuộn, luôn động, chẳng thể tĩnh. Vì thế, tu học trong Phật pháp, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, đều tu điều gì? Tu Định, nhằm xóa bỏ ô nhiễm trong tâm, khiến cho cái tâm dao động, chập chờn của quý vị được an định.

Vì lẽ đó, chúng ta cúng Phật, những thứ khác có thể không cần cúng, nhất định phải cúng một chén nước, nước biểu thị điều gì? Biểu thị tâm. Tâm ta phải thanh tịnh như nước, phải bất động như nước.

phẳng lặng, tâm mới có thể soi rõ ràng, rành mạch hết thấy vạn pháp trong vũ trụ. Tâm trọn khắp hết thấy các nơi, không gì chẳng hiểu rõ! Quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác, tận hư không khắp pháp giới, thấy đều hiểu rõ. Vì sao? Đều ở trong tâm, chiếu rành rẽ, rõ ràng. Tâm này hễ nổi sóng gió, hễ nó bị ô nhiễm thì điều gì cũng không biết, dầu bày ở ngay trước mặt vẫn chẳng thể cảm nhận, thật đáng thương! Do đó, học Phật là học chẳng động tâm, học sao cho chẳng bị ô nhiễm, đó gọi là công phu, là bản lãnh. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, do không chấp tướng, nên chẳng thể ô nhiễm; do không động tâm, tâm liền định, chẳng nổi sóng gió, chúng ta bèn thành tựu. Ngàn kinh vạn luận đều nhằm giảng một nguyên tắc như vậy.

Nếu quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ thì tiếp đó, [lời Sớ] viết: “*Tuy Ngũ Vô Gian*” (Tuy là Ngũ Vô Gian), Ngũ Vô Gian là địa ngục, quý vị sẽ thấy Ngũ Vô Gian “*giai giải thoát tướng, hôn mê, đảo hoặc, kỳ lý tồn yên*” (đều là tướng giải thoát, hôn mê, điên đảo, phiền não, lý ấy sao còn?) Quý vị thấy chúng sanh mê hoặc, điên đảo; trong mắt Phật, Phật tánh của họ chẳng điên đảo. Phật Tánh của họ tồn tại hay không tồn tại? Tồn tại! Phật Tánh của họ có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng. Trong khi khởi tác dụng, họ lại thêm đôi chút vào tác dụng ấy, làm lạc ở chỗ này. Ví như nói mắt chúng ta thấy sắc tướng bên ngoài, nó thấy rõ ràng, rành rẽ, nhưng [chúng ta] cứ khẳng khẳng trông thêm một cặp kính đen thui, đã đeo cặp kính đen, sẽ thấy bên ngoài đều đen thui lù! Đeo cặp kính xanh, sẽ thấy bên ngoài đều xanh, bên ngoài có phải là xanh hay chẳng? Chẳng phải là xanh, mắt kính xanh! Hiện thời chúng ta đều đeo kính, có dùng mắt hay không? Vẫn dùng mắt, dùng mắt nhưng kèm thêm cặp kính. Đức Phật bảo quý vị bỏ nó đi, diện mục vốn có sẽ khôi phục. Kính đeo mắt là gì? Kính đeo mắt chính là vọng tưởng, chấp trước. Vọng tưởng và chấp trước là cặp kính khoác lên trên mắt, [khiến cho mắt] nhìn tướng bên ngoài đều sai. Tuy thấy sai, nhưng đức Phật nói quý vị vẫn dùng mắt của chính mình để thấy, chẳng phải là mắt kính thấy, vẫn do con mắt thấy, bắt quá mắt có chướng ngại mà thôi. Chướng ngại ấy lại chẳng thật, mà cũng chẳng phải là vốn có, do quý vị đeo lên, hễ bỏ ra, nó bèn chẳng còn nữa! Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói: “*Bốn Giác vốn có, Bất Giác vốn không*”. Bất Giác là cặp kính màu, vốn chẳng có. Do đó, đức Phật thấy chúng sanh đều là Phật, Phật trọn chẳng nghĩ khi quý vị đeo cặp kính sẽ chẳng gọi là Phật, vẫn là Phật! Mắt Phật thấy chẳng sai, nói thực tại thì sai lắm ở nơi bản thân chúng ta. “*Tư lý chước nhiên, thế gian thường trụ, hữu Phật bất năng*

ích, vô Phật bất năng tôn, đắc chi bất vi cao, thất chi bất vi hạ. Có ngôn chúng sanh tức thị Phật, Lý Phật dã” (Lý ấy rạng ngời, thế gian thường tru, có Phật chẳng thể tăng thêm, chẳng có Phật cũng chẳng thể tôn giảm. Được chẳng coi là cao, mất chẳng coi là thấp. Vì thế nói “chúng sanh chính là Phật”, đó là Lý Tức Phật). Do đó, nói theo Lý Thể, nói theo bản tánh, hết thấy chúng sanh đều là Phật. Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật là quan sát từ góc độ này, quan sát từ bản thể.

Đoạn này là căn cứ quan trọng nhất để bọn phàm phu chúng ta học Phật thành Phật, tín tâm của chúng ta được tạo lập trên lý luận này. Vì sao? Ta vốn sẵn là Phật, lẽ đâu chẳng thành Phật? Vốn sẵn là Phật, nay ta lại muốn học Phật, đương nhiên có thể thành Phật. Nếu vốn chẳng phải là Phật, mà nếu nay muốn học Phật, chưa chắc đã có thể thành tựu, chẳng nhất định có thể thành tựu! Vốn sẵn là Phật, nay lại học Phật, quyết định thành Phật. Vì thế, tín tâm tu hành, tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên cố được kiến lập từ chỗ này. Điều thứ nhất trong “*Lục Tức Phật*” là lý luận, năm điều sau là tu hành. Từ Danh Tự, Quán Hạnh, Phần Chứng cho đến Cứu Cánh đều là nói về thứ tự tu hành, thuộc loại Tu Đức, điều đầu tiên là Tánh Đức. Chúng ta phải hiểu rõ điểm này. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.